PHIẾU BÀI TẬP: TRUY TÌM QUY TẮC & GHÉP NỐI TỪ VỰNG

PHẦN 1: TÌM KẺ MẠO DANH (Odd One Out)

Đọc to các từ dưới đây và chọn ra TỪ CÓ PHÁT ÂM KHÁC với 3 từ còn lại ở phần được in đậm.

1. Tìm từ có chữ "a" không phát âm là /ei/:

[ ] A. b**a**king

[ ] B. m**a**king

[ ] C. ch**a**tting

[ ] D. s**a**ving

2. Tìm từ có chữ "a" không phát âm là /æ/

[ ] A. pl**a**nning

[ ] B. cr**a**mming

[ ] C. m**a**sking

[ ] D. d**a**ting

3. Tìm từ không chứa âm /ɔ:/

[ ] A. f**au**lt

[ ] B. r**a**cing

[ ] C. p**au**se

[ ] D. l**au**ndry

4. Tìm từ không chứa âm /ɔ:/

[ ] A. s**au**sage

[ ] B. n**au**ghty

[ ] C. d**au**ghter

[ ] D. f**a**king

5. Tìm từ có chữ "a" không phát âm là /ei/

[ ] A. tr**a**ding

[ ] B. t**a**ping

[ ] C. f**a**cing

[ ] D. gr**a**bbing

LIVEWORKSHEETS

PHẦN 2: THÁM TỬ TỪ VỰNG (Dạng Ô chữ - Word Search)

Hãy tìm 5 từ vựng bí ẩn được giấu trong bảng chữ cái dưới đây. Các từ có thể nằm ngang hoặc dọc!

(Danh sách từ cần tìm: AUTUMN, CAUSE, DAUGHTER, AUSTRALIA, BECAUSE)

A U S T R A L I A K

D X M C A U S E U Z

A U T U M N Y P O W

U Q R L B E C A U S E

G H T V P S D N M J

H K O P W E R T Y U

T E R M X C V B N M

D A U G H T E R L P

PHẦN 3: GIẢI MÃ TỪ KHÓA (Dạng Điền chữ - Text Box)

Các chữ cái của 5 từ vựng quan trọng đã bị xáo trộn. Hãy dựa vào nghĩa tiếng Việt được cho sẵn để sắp xếp lại thành từ tiếng Anh hoàn chỉnh.

1. Mùa thu: U - M - N - A - U - T

=> Đáp án: .....

2. Gây ra : S - U - E - C - A

=> Đáp án: .....

3. Con gái : G - H - E - R - D - A - U - T

=> Đáp án: .....

4. Nước Úc : L - I - A - S - T - R - A - U - A

=> Đáp án: .....

5. Bởi vì : C - A - U - S - B - E - E

=> Đáp án: .....

PHẦN 4: THỰC HÀNH NGỮ CẢNH - Điền từ vào chỗ trống (Fill in the blanks)

*Sử dụng 5 từ ở Phần 3 (**Autumn, Cause, Daughter, Australia, Because**) để hoàn thành các câu sau đây.*

(Lưu ý viết hoa chữ cái đầu nếu đứng đầu câu hoặc là tên riêng).

1. Kangaroos and koalas are famous animals from ..... . *(Kangaroo và gấu koala là những loài động vật nổi tiếng đến từ Úc.)*

LIVEWORKSHEETS

2. I love the cool weather and yellow leaves in ..... .
3. *(Tôi yêu thời tiết mát mẻ và những chiếc lá vàng vào mùa thu.)*
4. She stayed at home ..... she was very tired.
5. *(Cô ấy ở nhà bởi vì cô ấy rất mệt.)*
6. Careless driving can ..... serious accidents.
7. *(Lái xe bất cẩn có thể gây ra tai nạn nghiêm trọng.)*
8. Mr. John has a son and a beautiful ..... .
9. *(Ông John có một người con trai và một cô con gái xinh đẹp.)*

LIVEWORKSHEETS